

BÁO CÁO

Sơ kết 6 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư và Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ Tướng Chính Phủ trên địa bàn xã Ba Động

Thực hiện Công văn số 290/SNV-LĐVL&ATLĐ, ngày 26/3/2025 của Sở Nội Vụ tỉnh Quảng Ngãi; Về việc báo cáo sơ kết 6 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg. UBND xã Ba Động báo cáo sơ kết 6 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ Tướng Chính phủ.

I. Khái quát đặc điểm tình hình kinh tế-xã hội của địa phương

1. Khái quát đặc điểm kinh tế-xã hội

Xã Ba Động là xã miền núi của huyện Ba Tơ, nằm cách trung tâm huyện 10 km về hướng Đông Bắc, phía Đông giáp xã Ba Liên, phía Tây và phía Nam giáp xã Ba Thành, phía Bắc giáp xã Hành Tín Đông – huyện Nghĩa Hành. Diện tích tự nhiên 1.521,98 ha (đất Nông nghiệp 1.269,70 ha, chiếm tỷ lệ 83,42%, đất phi Nông nghiệp 215,87 ha, chiếm tỷ lệ 14,18%; đất Chưa sử dụng 36,41 ha, chiếm tỷ lệ 2,39%); dân số 814 hộ với 2.833 nhân khẩu (1353nam, 1480 nữ), sống chủ yếu bằng nông nghiệp (trong đó có 37 hộ nghèo và 40 hộ cận nghèo); hộ gia đình có đối tượng hưởng trợ cấp Bảo trợ xã hội hàng tháng là 147 đối tượng/115 hộ (gồm 60 người khuyết tật; 22 hộ gia đình trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng người khuyết tật; 64 người từ đủ 80 tuổi trở lên 01 trẻ em mồ côi (từ 16-22 tuổi còn theo học tại các trường)).

Tình hình kinh tế - xã hội của xã Ba Động còn gặp nhiều khó khăn do chuyển dịch cơ cấu kinh tế còn chậm, hạ tầng kinh tế - xã hội chưa đáp ứng được yêu cầu phát triển của xã.

2. Quy mô và cơ cấu dân số, lao động: Dân số toàn xã tính đến ngày 31/12/2024 là 2833 người; trong đó đồng bào dân tộc thiểu số 12 người, chiếm tỷ lệ % 0,42%. Tổng số người lao động trong độ tuổi lao động 1825 người (nam: 925; nữ: 900); Số lao động có việc làm thường xuyên là 1530 người.

3. Số lượng doanh nghiệp: Hiện nay, trên địa bàn xã có tổng số là 16 Doanh nghiệp tư nhân gồm 12 doanh nghiệp tư nhân và 04 doanh nghiệp trong các khu công nghiệp đang hoạt động. Tỷ lệ doanh nghiệp sử dụng dưới 10 lao động (9 DN) 56,25%; từ 10 đến dưới 50 lao động (7 DN) 43,75 %; số doanh nghiệp trong các khu công nghiệp, khu kinh tế là (04 DN) 25%.

4. Số lượng doanh nghiệp có tổ chức công đoàn cơ sở: Doanh nghiệp tư nhân có tổ chức Công đoàn cơ sở 03 (doanh nghiệp tư nhân 01, trong các khu công nghiệp, khu kinh tế 02).

5. Tỷ lệ người lao động tham gia công đoàn cơ sở ở doanh nghiệp:
 Tổng số người lao động đang làm việc tại các Doanh nghiệp 211 lao động, trong đó có 121 lao động tham gia hoạt động công đoàn, đạt tỷ lệ 57,34%.

II. Tình hình 06 năm thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg

1. Công tác lãnh đạo chỉ đạo của cấp ủy đảng, chính quyền xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ

- Công tác nghiên cứu, quán triệt nội dung Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg: UBND xã đã tăng cường phổ biến, thông tin tuyên truyền các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước đến tận doanh nghiệp, người sử dụng lao động, người lao động. Qua đó, quán triệt đầy đủ các nội dung Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg, qua đó tạo sự chuyển biến mạnh mẽ về nhận thức, trách nhiệm của địa phương cũng như của doanh nghiệp và người lao động trong việc xây dựng mối quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới, góp phần nâng cao hiệu quả sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp và cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống của người lao động, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự xã hội.

- Công tác thông tin, tuyên truyền chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của nhà nước về quan hệ lao động:

+ Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục các chính sách, pháp luật của Nhà nước về lao động, việc làm, tiền lương, tiền công và các chế độ chính sách có liên quan đến người lao động, người sử dụng lao động trong các loại hình doanh nghiệp, tạo sự đồng thuận cao trong tổ chức triển khai thực hiện.

+ Tuyên truyền tới cán bộ, đoàn viên, người lao động về lĩnh vực quan hệ lao động và hoạt động công đoàn, đặc biệt là việc xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ. Nội dung tuyên truyền tập trung vào chăm lo phúc lợi cho các đoàn viên, điều kiện làm việc của người lao động, việc chấp hành pháp luật về lao động, công đoàn của người sử dụng lao động...

+ Đổi mới mô hình, cách thức tuyên truyền, phổ biến chính sách pháp luật cho các doanh nghiệp, thu hút đông đảo người lao động, người sử dụng lao động quan tâm, thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về quan hệ lao động. Chú trọng phát huy hiệu quả của các phương tiện truyền thông trong công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật về lao động, định hướng cho các phương tiện truyền thông phản ánh những việc làm tích cực trong quan hệ lao động; lên án những hành vi tiêu cực, nhằm vận động, tập hợp người lao động, người sử dụng lao động thực hiện tốt trong quan hệ lao động; kịp thời ngăn chặn, phản bác, xử lý các thông tin sai lệch, gây ảnh hưởng xấu đến quan hệ lao động và làm mất an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội.

Các hoạt động được triển khai thực hiện tập trung mạnh vào tháng an toàn, vệ sinh lao động, tháng công nhân và được triển khai thường xuyên, lồng ghép với các chương trình tuyên truyền tư vấn, giải quyết việc làm, đào tạo nghề, chương trình tư vấn cho người lao động đi làm ăn xa an toàn...

2. Nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước về quan hệ lao động

Tập trung nâng cao hiệu quả thực hiện nhiệm vụ chăm lo, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp, chính đáng của người lao động, coi đây là nhiệm vụ trọng tâm, cốt lõi của tổ chức công đoàn, nâng cao nhận thức, tập trung nguồn lực, tạo bước đột phá trong thực hiện nhiệm vụ này. Trong việc thực hiện nhiệm vụ đại diện, bảo vệ người lao động, được ưu tiên đầu tư cho công tác tham gia xây dựng chính sách, pháp luật; kiểm tra và giám sát việc thực hiện chính sách, pháp luật đối với người lao động; công tác đối thoại và thương lượng tập thể.

Tiếp tục đổi mới phương thức hoạt động công đoàn trên cả ba phương diện: phương thức chỉ đạo, phương thức tập hợp và tổ chức hoạt động. Hoạt động công đoàn phải gắn với hoạt động sản xuất, kinh doanh của đơn vị, nâng cao đời sống người lao động; nội dung hoạt động phải đa dạng, phong phú, kết hợp hài hòa giữa hoạt động chăm lo với bảo vệ, quan tâm cả lợi ích vật chất và lợi ích tinh thần. Chú trọng ứng dụng công nghệ thông tin, mạng xã hội trong tập hợp người lao động và tổ chức hoạt động công đoàn.

3. Nâng cao hiệu quả hoạt động của tổ chức công đoàn trong quan hệ lao động

Thực hiện nhiệm vụ tiếp tục đổi mới hoạt động công đoàn đáp ứng yêu cầu của tình hình mới. Công đoàn tiến hành xây dựng các kế hoạch về công tác phát triển đoàn viên, kiện toàn nâng chất hoạt động của tổ chức công đoàn, thường xuyên đôn đốc, hỗ trợ, các công đoàn Doanh nghiệp; rà soát tình hình cán bộ công chức và công nhân lao động trong các doanh nghiệp, Trên cơ sở đó, để xây dựng chương trình phát triển đoàn viên trong thời gian tới. Công tác tuyên truyền cũng được Công đoàn chú trọng và thường xuyên đổi mới hình thức đa dạng, phong phú. Công tác tư vấn cho người lao động và người sử dụng lao động các quy định của pháp luật công đoàn, về tổ chức và hoạt động công đoàn; tổng kết thực hiện chương trình các ngày lễ lớn, kỷ niệm năm, ngày thành lập Công đoàn Việt Nam. Chú trọng công tác bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ lý luận, bản lĩnh chính trị, nghiệp vụ cho đội ngũ cán bộ công đoàn, nhất là công đoàn viên. Thường xuyên quan tâm chăm lo cải thiện đời sống vật chất tinh thần cho người lao động, các hoạt động tuyên truyền chủ trương chính sách cho người lao động và người sử dụng lao động được thường xuyên thực hiện, các chương trình Mái ấm công đoàn”.....

4. Thúc đẩy các hoạt động đối thoại, thương lượng tập thể

Nhìn chung, trong những năm qua tình hình chấp hành pháp luật, thực hiện đối thoại tại nơi làm việc trong các doanh nghiệp trên địa bàn xã thực hiện tốt; Từ năm 2019-2024, không xảy ra các cuộc tranh chấp lao động cá nhân, tập thể về quyền, lợi ích và tình trạng đình công.

5. Giải quyết tranh chấp lao động và đình công

Trong những năm vừa qua, trên địa bàn xã không xảy ra tranh chấp lao động và đình công.

III. Đánh giá chung

Trên cơ sở kết quả triển khai nhiệm vụ, đưa ra những nhận định, đánh giá kết quả thực hiện và làm rõ những nội dung sau:

1. Thành tựu đạt được.

Việc triển khai Chỉ thị số 37-CT/TW ngày 03/9/2019 của Ban Bí thư và Quyết định số 46/QĐ-TTg ngày 25/3/2020 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng quan hệ lao động hài hòa, ổn định và tiến bộ trong tình hình mới trên địa bàn xã được Đảng ủy, HĐND, UBND xã thường xuyên quan tâm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện tạo môi trường thuận lợi trong thu hút, kêu gọi đầu tư trên các lĩnh vực, từ đó góp phần phát triển kinh tế - xã hội của địa phương. Qua đó, các ngành, các hội đoàn thể, doanh nghiệp, các cơ sở sản xuất kinh doanh đóng trên địa bàn xã đã nhận thức đúng hơn về tầm quan trọng trong triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW của Ban Bí thư Trung ương Đảng, xem đây là nhiệm vụ chủ yếu và thường xuyên trong việc thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh chính trị, tạo được niềm tin và là cầu nối giữa người sử dụng lao động và người lao động đồng hành cùng phát triển. Sự nhận thức và ý thức chấp hành pháp luật của chủ doanh nghiệp ngày được nâng lên. Vai trò của công đoàn từng bước đã nâng cao vị thế của mình trong việc thực hiện chức năng tuyên truyền, vận động, phát triển đoàn viên.

Công tác thông tin tuyên truyền được thực hiện thường xuyên, liên tục trên hệ thống truyền thanh của xã, trang thông tin điện tử, mạng xã hội.

Các doanh nghiệp từng bước cải tiến và nâng cao chất lượng, tăng cường đầu tư mua sắm máy móc trang thiết bị, dây chuyền công nghệ nhằm nâng cao hiệu quả sản xuất, cải thiện đời sống công nhân, người lao động. Đảm bảo ổn định tình hình sản xuất, đảm bảo an ninh, trật tự, an toàn xã hội.

2. Tồn tại, hạn chế

- Còn có Công ty, doanh nghiệp chưa thành lập tổ chức Công đoàn nên công tác bảo vệ quyền lợi hợp pháp của người lao động còn gặp nhiều khó khăn

- Một số Công ty, doanh nghiệp chưa có chế độ đãi ngộ đối với người lao động; tiền lương ở mức trung bình chưa tạo được sức hút đối với người lao động.

- Vai trò của Ban Chấp hành công đoàn chưa thật sự phát huy, còn lúng túng trong hoạt động, người sử dụng lao động chưa quan tâm tạo điều kiện về thời gian, kinh phí cho Công đoàn hoạt động. Người lao động đa số là lao động phổ thông, chưa qua đào tạo, ý thức, tác phong lao động công nghiệp còn hạn chế.

IV. Phương hướng nhiệm vụ trọng tâm trong thời gian tới

1. Phương hướng, nhiệm vụ

- Tiếp tục triển khai thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và tuyên truyền sâu rộng trong công nhân lao động tại các doanh nghiệp.

- Tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, giáo dục pháp luật cho người sử dụng lao động và người lao động; tăng cường kiểm tra việc chấp hành pháp luật lao động. Đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền phù hợp tình hình thực tế địa phương.

- Chỉ đạo các ngành có liên quan tăng cường phối hợp trong công tác tuyên truyền, vận động, bồi dưỡng phát triển đảng viên trong doanh nghiệp ở những nơi có điều kiện; làm tốt công tác tư vấn pháp luật, quan tâm bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn, tay nghề cho công nhân lao động.

- Tăng cường các hoạt động xã hội từ thiện để giúp công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn ổn định cuộc sống, an tâm lao động, sản xuất; kịp thời nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của người lao động để giải quyết hoặc đề xuất người sử dụng lao động giải quyết kịp thời.

2. Đề xuất, kiến nghị: Không

V. Tổng hợp số liệu về tình hình thực hiện Chỉ thị 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg ở địa phương

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm						
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	Quý I/2025
I	Doanh nghiệp, hợp tác xã đang hoạt động								
1	Số doanh nghiệp								
1.1	Số doanh nghiệp nhà nước (DNNN)		0	0	0	0	0	0	0
	- Trong đó: số DNNN trong KCN		0	0	0	0	0	0	0
1.2	Số doanh nghiệp dân doanh	DN	17	17	17	17	16	16	16
	- Trong đó: số DN dân doanh trong KCN		04	04	04	04	04	04	04
1.3	Số doanh nghiệp FDI								
	- Trong đó: số DN FDI trong KCN								
1.4	Tỷ lệ doanh nghiệp dưới 10 lao động	%	52,94	52,94	52,94	52,94	56,25	56,25	56,25
1.5	Tỷ lệ doanh nghiệp từ 10 đến 25 lao động	%	11,76	11,76	11,76	11,76	12,5	12,5	12,5
1.6	Tỷ lệ doanh nghiệp từ 25 đến dưới 50 lao động	%	35,3	35,3	35,3	35,3	31,25	31,25	31,25
2	Số hợp tác xã (HTX)	HTX							
3	Số KCN, KKT, KCX đang hoạt động	kcn	0	0	0	0	0	0	0
II	Lao động trong các DN, HTX đang hoạt động								
1	Số lao động trong doanh nghiệp		190	195	203	207	210	211	211
1.1	Số lao động (LĐ) trong DNNN		0	0	0	0	0	0	0
	- Trong đó: số LĐ trong DNNN trong KCN		0	0	0	0	0	0	0
1.2	Số lao động trong DN dân doanh	DN	190	195	203	207	210	211	211
	- Trong đó: số LĐ trong DN dân doanh trong KCN		120	123	126	128	128	128	128
1.3	Số lao động trong DN FDI		0	0	0	0	0	0	0
	- Trong đó: số LĐ trong DN FDI trong KCN		0	0	0	0	0	0	0
2	Số lao động trong các hợp tác xã	HTX							
III	Tổ chức công đoàn cơ sở (CĐCS) trong DN, HTX		03	03	03	03	03	03	03
1	Số tổ chức CĐCS trong DNNN	tổ chức người	0	0	0	0	0	0	0
2	Số tổ chức CĐCS trong DN dân		03	03	03	03	03	03	03

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm						
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	Quý I/ 2025
	doanh								
3	Số tổ chức CĐCS trong DN FDI		0	0	0	0	0	0	0
4	Số tổ chức CĐCS trong HTX		0	0	0	0	0	0	0
5	Số đoàn viên CĐ trong các loại hình DN	người	121	121	121	121	121	121	121
6	Số đoàn viên CĐ trong các HTX		0	0	0	0	0	0	0
IV	Tình hình thực hiện một số quy định của pháp luật lao động								
1	<i>Số DN đăng ký nội quy lao động</i>	DN	06	06	06	06	06	06	06
2	<i>Số DN có thang lương, bảng lương</i>	DN	06	06	06	06	06	06	06
3	<i>Tiền lương, thu nhập bình quân của người lao động (NLĐ) trong DN, HTX</i>								
3.1	Tiền lương bình quân của NLĐ trong DN	triệu đồng/ người/ tháng							
	<i>Trong đó: - Ở DNNN</i>		0	0	0	0	0	0	0
	<i>- Ở DN dân doanh</i>		3,5	4,0	4,5	5,0	5,5	6,0	6,0
	<i>- Ở DN FDI</i>								
3.2	Tiền lương bình quân của NLĐ trong HTX		0	0	0	0	0	0	0
3.3	Thu nhập bình quân tháng của NLĐ		3,5	4,0	4,5	5,0	5,5	6,0	6,0
	<i>Trong đó:</i>								
	<i>- Thu nhập bình quân tháng của NLĐ có tham gia BHXH</i>		3,5	4,0	4,5	5,0	5,5	6,0	6,0
	<i>- Thu nhập bình quân tháng của NLĐ không tham gia BHXH</i>								
4	Đối thoại, thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở trong DN								
4.1	Số DN có Quy chế dân chủ cơ sở	DN							
4.2	Số DN tổ chức đối thoại tại nơi làm việc	DN							
	<i>Trong đó: - Số DN tổ chức đối thoại định kỳ</i>	DN							
	<i>- Số DN tổ chức đối thoại khi có yêu cầu của một hoặc các bên</i>	DN							
	<i>- Số DN tổ chức đối thoại vụ việc.</i>	DN							
5	Số thỏa ước lao động tập thể (TULĐTT) đã ký kết		0	0	0	0	0	0	0
5.1	Số TULĐTT doanh nghiệp	bản	0	0	0	0	0	0	0
5.2	Số TULĐTT ngành	bản	0	0	0	0	0	0	0
5.3	Số TULĐTT nhiều doanh nghiệp	bản	0	0	0	0	0	0	0
6	Tranh chấp lao động (TCLĐ), đình công		0	0	0	0	0	0	0
6.1	Số cuộc TCLĐ cá nhân	cuộc	0	0	0	0	0	0	0
6.2	Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích	cuộc	0	0	0	0	0	0	0
6.3	Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền	cuộc	0	0	0	0	0	0	0
6.4	Số cuộc đình công	cuộc	0	0	0	0	0	0	0

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm						
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	Quý I/ 2025
7	Tỷ lệ công nhân KCN được bố trí ở theo các dự án nhà ở công nhân KCN so với nhu cầu nhà ở của công nhân KCN trên địa bàn	%	0	0	0	0	0	0	0
V	Số công chức hiện được bố trí làm công tác quan hệ lao động (QHLĐ), tiền lương ở địa phương	người	0	0	0	0	0	0	0
1	Số công chức làm công tác lao động, quan hệ lao động, tiền lương, BHXH của Sở Nội vụ		0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: số công chức chuyên trách về quan hệ lao động		0	0	0	0	0	0	0
2	Số công chức của BQLKCN		0	0	0	0	0	0	0
3	Số công chức các phòng Nội vụ cấp huyện								
4	CQ khác		0	0	0	0	0	0	0
VI	Công tác tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động								
1	Số lượt NLĐ được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	người	1050	1150	1250	1350	1350	1350	1350
2	Số lượt người sử dụng lao động được tuyên truyền, phổ biến pháp luật lao động	người	16	16	16	17	17	17	17
3	Kinh phí thực hiện	triệu đồng	0	0	0	0	0	0	0
VII	Công tác thanh tra, kiểm tra pháp luật lao động								
1	Số công chức làm công tác thanh tra pháp luật lao động	người	0	0	0	0	0	0	0
	<i>Trong đó: Số thanh tra viên lao động</i>		0	0	0	0	0	0	0
2	Số DN được thanh tra	DN	0	0	0	0	0	0	0
3	Số DN được kiểm tra	DN	0	0	0	0	0	0	0
4	Số DN tự kiểm tra (qua phiếu tự kiểm tra)	DN	0	0	0	0	0	0	0
5	Số DN bị xử lý vi phạm pháp luật lao động	DN	0	0	0	0	0	0	0
6	Tổng số kiến nghị xử lý	kiến nghị	0	0	0	0	0	0	0
7	Tổng số quyết định xử phạt	quyết định	0	0	0	0	0	0	0
8	Tổng số tiền xử phạt	triệu đồng	0	0	0	0	0	0	0
VIII	Kiện toàn hòa giải viên lao động (HGVLD), Hội đồng trọng tài lao động (HĐTTLD)								
1	Hòa giải viên lao động		0	0	0	0	0	0	0
1.1	Số HGVLD được bổ nhiệm đang hoạt động	người	0	0	0	0	0	0	0

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Năm						
			2019	2020	2021	2022	2023	2024	Quý I/ 2025
1.2	Số cuộc TCLĐ được HGVLD tiếp nhận	cuộc	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó:		0	0	0	0	0	0	0
	- Số cuộc TCLĐ cá nhân		0	0	0	0	0	0	0
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích		0	0	0	0	0	0	0
1.3	Số cuộc TCLĐ được HGVLD hòa giải thành		0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: - Số cuộc TCLĐ cá nhân hòa giải thành		0	0	0	0	0	0	0
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích hòa giải thành		0	0	0	0	0	0	0
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền hòa giải thành		0	0	0	0	0	0	0
2	Hội đồng trọng tài lao động								
2.1	Thành lập HĐTTLD (đánh dấu X vào năm thành lập, nêu rõ Quyết định thành lập HĐTTLD)		0	0	0	0	0	0	0
2.2	Số cuộc TCLĐ do HĐTTLD tiếp nhận	cuộc	0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó:		0	0	0	0	0	0	0
	- Số cuộc TCLĐ cá nhân		0	0	0	0	0	0	0
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích		0	0	0	0	0	0	0
2.3	Số cuộc TCLĐ do HĐTTLD giải quyết		0	0	0	0	0	0	0
	Trong đó: Số cuộc TCLĐ cá nhân được TTLĐ ra quyết định giải quyết		0	0	0	0	0	0	0
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về lợi ích được TTLĐ ra quyết định giải quyết		0	0	0	0	0	0	0
	- Số cuộc TCLĐ tập thể về quyền được TTLĐ ra quyết định giải quyết		0	0	0	0	0	0	0

Ghi chú:

- Số liệu năm 2019 đến năm 2024 được tính đến hết ngày 31/12.
- Số liệu năm 2025 tính đến hết ngày 31/3.

Trên đây là báo cáo sơ kết 05 năm tình hình thực hiện Chỉ thị số 37-CT/TW và Quyết định số 416/QĐ-TTg trên địa bàn xã Ba Động. UBND xã Ba Động kính báo cáo./.

Nơi nhận:

- Phòng Nội vụ huyện (B/c);
- CT, các PCT UBND xã;
- Lưu VT.

KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH

Nguyễn Thị Phúc Diệp

